



**Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ  
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính tóm tắt cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(lập cho mục đích tuân thủ quy định về báo cáo tài chính  
của Thông tư số 30/2019/TT-BTC  
ngày 28 tháng 5 năm 2019  
của Bộ Tài chính)





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**

### **Kính gửi Hội đồng Thành Viên Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh về các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính (đầy đủ) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính (đầy đủ) trong Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính (đầy đủ) và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính (đầy đủ) của Ngân hàng.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh về các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm kết thúc cùng ngày theo các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – *Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt được trích từ báo cáo tài chính (đầy đủ) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) đã được kiểm toán đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương.



Wang Toon Kim  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020



Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)  
 Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành  
 Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam  
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>23.058</b>	<b>32.752</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>257.172</b>	<b>109.329</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>18.310.930</b>	<b>13.872.480</b>
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	17.617.431	13.408.443
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	693.499	464.037
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>165.612</b>	<b>-</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	165.612	-
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>8.909.545</b>	<b>13.997.024</b>
1	Cho vay khách hàng	8.983.757	14.073.734
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(74.212)	(76.710)
<b>VII</b>	<b>Hoạt động mua nợ</b>	<b>199.832</b>	<b>360.340</b>
1	Mua nợ	201.734	363.530
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.902)	(3.190)
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>1.976.135</b>	<b>2.112.274</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.976.135	2.112.274
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>23.195</b>	<b>30.463</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	23.195	29.508
a	<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>	<i>107.886</i>	<i>102.598</i>
b	<i>Hao mòn tài sản cố định</i>	<i>(84.691)</i>	<i>(73.090)</i>
3	Tài sản cố định vô hình	-	955
a	<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>	<i>5.724</i>	<i>5.724</i>
b	<i>Hao mòn tài sản cố định</i>	<i>(5.724)</i>	<i>(4.769)</i>
<b>XII</b>	<b>Tài sản Có khác</b>	<b>502.744</b>	<b>477.355</b>
1	Các khoản phải thu	338.387	342.986
2	Các khoản lãi, phí phải thu	153.970	177.434
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.908	21.113
4	Tài sản Có khác	5.479	13.056
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	(77.234)
	<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>	<b>30.368.223</b>	<b>30.992.017</b>

**Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)**  
**Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành**  
**Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>6.449.376</b>	<b>9.525.380</b>
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	6.449.376	9.525.380
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>18.775.342</b>	<b>16.527.032</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>155.093</b>	<b>160.364</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	27.457	40.933
3	Các khoản phải trả và nợ khác	127.636	119.431
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>25.379.811</b>	<b>26.212.776</b>
<b>VIII</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>4.988.412</b>	<b>4.779.241</b>
1	Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	584.053	528.030
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	114.247	114.247
5	Lợi nhuận chưa phân phối	1.290.112	1.136.964
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>4.988.412</b>	<b>4.779.241</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>30.368.223</b>	<b>30.992.017</b>
		<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2018</b>
		<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
2	Cam kết giao dịch hối đoái		
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>126.755.332</i>	<i>67.594.002</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>126.689.752</i>	<i>71.346.611</i>
3	Cam kết cho vay không hủy ngang	1.015.012	659.434
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.519.923	2.031.022
5	Bảo lãnh khác	1.040.417	1.698.740

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Phương Lân  
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Ngô Thị Hà  
Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt:



Jodi Maree West  
Tổng Giám đốc

**Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)**  
**Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành**  
**Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

STT	Chỉ tiêu	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.070.490	1.096.945
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(440.605)	(363.036)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>629.885</b>	<b>733.909</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	77.346	85.939
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(23.624)	(20.007)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>53.722</b>	<b>65.932</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>247.345</b>	<b>170.661</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>22.117</b>	<b>8.963</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>24.538</b>	<b>15.897</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	34.248	28.822
6	Chi phí hoạt động khác	(23)	(29.285)
<b>VI</b>	<b>Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>34.225</b>	<b>(463)</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(548.472)</b>	<b>(719.092)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>463.360</b>	<b>275.807</b>
<b>X</b>	<b>Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>3.786</b>	<b>(32.422)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>467.146</b>	<b>243.385</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(77.456)	(40.645)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(16.205)	(9.429)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(93.661)</b>	<b>(50.074)</b>
<b>XI</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>373.485</b>	<b>193.311</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Phương Lâm  
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Ngô Thị Hà  
Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt:



Jodi Maree West  
Tổng Giám đốc

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)  
 Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành  
 Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 (Phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.093.954	1.156.889
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(454.081)	(360.193)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	53.722	65.932
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	294.000	195.521
05	Thu nhập khác nhận được/(chi phí khác đã trả)	34.144	(564)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	-	101
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(550.725)	(703.996)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(67.866)	(238.147)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b>		<b>403.148</b>	<b>115.543</b>
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(1.388.210)	(464.037)
10	(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(29.473)	2.254.941
12	Giảm/(tăng) các khoản cho vay khách hàng	5.089.977	(1.413.627)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	96.738	89.799
<i>Những thay đổi về nợ hoạt động</i>			
16	(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác	(3.076.004)	2.553.438
17	Tăng các khoản tiền gửi của khách hàng	2.248.310	3.473.671
21	Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	13.875	(229.718)
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.358.361</b>	<b>6.380.010</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	Mua sắm tài sản cố định	(5.739)	(26.098)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	81	444
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(5.658)</b>	<b>(25.654)</b>

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)  
 Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành  
 Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
04	Lợi nhuận đã chia	(164.314)	(768.000)
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển từ hoạt động tài chính</b>	<b>(164.314)</b>	<b>(768.000)</b>
<b>IV</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>3.188.389</b>	<b>5.586.356</b>
<b>V</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>	<b>13.550.524</b>	<b>7.964.168</b>
<b>VI</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm</b>	<b>16.738.913</b>	<b>13.550.524</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Phương Lân  
 Kế toán trưởng

Người soát xét:



Ngô Thị Hà  
 Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt:



Jodi Maree West  
 Tổng Giám đốc



**Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)**  
**Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành**  
**Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam**  
**Thuyết minh về các chỉ tiêu tài chính cơ bản**  
**tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2019</b> <b>Triệu VND/%</b>	<b>31/12/2018</b> <b>Triệu VND/%</b>
Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
Tổng tài sản có	30.368.223	30.992.017
Tỷ lệ an toàn vốn	21,99%	17,97%
Nợ quá hạn	-	-
Nợ khó đòi	-	-
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,00%	0,00%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0,00%	0,00%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,00%	0,00%
Doanh số huy động tiền gửi	18.775.342	16.527.032
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	27,22%	31,12%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
▪ <i>Việt Nam Đồng</i>	<i>Dòng tiền vào &gt;</i> <i>Dòng tiền ra</i>	69,11%
▪ <i>Các loại ngoại tệ khác</i>	<i>Dòng tiền vào &gt;</i> <i>Dòng tiền ra</i>	601,00%
	<b>2019</b> <b>Triệu VND/%</b>	<b>2018</b> <b>Triệu VND/%</b>
Doanh số cho vay khách hàng	32.768.778	39.647.102
Doanh số thu nợ khách hàng	38.020.551	38.233.475
Hệ số sử dụng vốn (ROE)	7,65%	3,70%

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Phương Lân  
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Ngô Thị Hà  
Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt:



Jodi Maree West  
Tổng Giám đốc